

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/HNGĐ-PT

Ngày 14 - 6- 2018

V/v tranh chấp “Xin ly hôn, chia tài
sản chung, hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Sâm Hương

Bà Trần Thị Kim Em

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Sắc Ly** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông **Võ Trung Hiếu** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 13 và 14 tháng 6 năm 2018, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2018/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp “Xin ly hôn, chia tài sản chung, hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 44/2018/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 151/2018/QĐ-PT ngày 21 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Ngọc B**, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Số M ấp H, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: H, ấp T, xã L, huyện G, Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn T – Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Thái Thoại H**, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Số M ấp H, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Thị C – Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị C thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Long An (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: Tòa nhà C Bán đảo L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện ủy quyền: Ông Lê Văn D – Giám đốc Phòng giao dịch thị xã G - Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện ủy quyền lại: Trần Thị Kim P - Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch thị xã G - Chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Tiền Giang (xin vắng mặt).

Địa chỉ: số K, P, khu phố M, phường H, thị xã G, Tiền Giang.

3.2. Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Tiền Giang phòng giao dịch G.

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Minh T - Chức vụ: Trưởng phòng. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: số B, Võ Duy L, phường M, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

3.3 Trần Thị Đ, sinh năm: 1923(xin vắng mặt)

Địa chỉ: số M, ấp H, xã L, thị xã G, Tiền Giang.

3.4 Thái Thị Thùy L, sinh năm: 1964(xin vắng mặt)

Địa chỉ: số C, khu phố N, phường H, thị xã G, Tiền Giang.

3.5. Thái Thoại C, sinh năm: 1939

Địa chỉ: số M, ấp H, xã L, thị xã G, Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Thái Thoại H, sinh năm: 1980

Địa chỉ: số M, ấp H, xã L, thị xã G, Tiền Giang.

3.6. Lê Thị T, sinh năm: 1942

Địa chỉ: số M, ấp H, xã L, thị xã G, Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền: Thái Thoại H, sinh năm: 1980

Địa chỉ: số M, ấp H, xã L, thị xã G, Tiền Giang

3.7. Huỳnh Văn H, sinh năm: 1952 (có mặt)

Địa chỉ: số H, ấp T, xã L, huyện G, Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: chị Huỳnh Thị Ngọc B, ông Huỳnh Văn H

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

** Nguyên đơn Huỳnh Thị Ngọc B trình bày:*

Chị và anh H cưới nhau năm 2013. Được Ủy ban nhân dân xã L, thị xã G cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2013. Thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do anh H không chăm lo cho gia đình. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Anh chị có 01 người con chung tên Thái Thoại N, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2014. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi, không yêu cầu anh H cấp dưỡng vì anh H hiện nay không có việc làm, thường xuyên uống bia rượu, thu nhập không ổn định; bản thân chị là giáo viên có kiến thức và thu nhập mỗi tháng từ 8.000.000 đồng trở lên đảm bảo mọi mặt để trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Có:

+ 03 con bò mẹ và 04 con bò con. Chị đang quản lý 02 con bò mẹ và 01 con bò con, anh H quản lý 02 con bò mẹ và 02 con bò con. Giá bò mẹ là 14.000.000 đồng/con, bò con 7.000.000 đồng/con.

+ 01 tivi Sony 40 in.

Thông nhất giao anh H tiếp tục quản lý, sở hữu 02 con bò mẹ, 02 con bò con, 01 tivi và hoàn lại cho chị số tiền 25.000.000 đồng.

Về nợ chung:

+ Nợ ngân hàng chính sách số tiền gốc là 20.700.000 đồng và lãi. Yêu cầu chia đôi.

+ Nợ Ngân hàng Sacombank 02 khoản:

Năm 2015 vay 62.500.000 đồng. Sử dụng 32.000.000 đồng để chuộc ruộng của cha mẹ anh H về trồng cỏ chăn nuôi, số còn lại chi tiêu hàng ngày. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khoản vay 72.000.000 đồng là của vợ chồng vay dùm cho ông H cha chị và hiện còn nợ gốc là 50.000.000 đồng. Trả được 32.813.237 đồng. Số tiền này do ông H gửi chị trả mỗi tháng chứ không phải tiền của vợ chồng chị trả nên trước yêu cầu khởi kiện của anh H, chị không đồng ý và chị không yêu cầu ông H trả cho chị. Do ngân hàng không khởi kiện nên chị không ý kiến gì.

Về tài sản riêng: Tại đơn khởi kiện ngày 31 tháng 10 năm 2017, chị yêu cầu ông C và bà T trả cho chị 10 chỉ vàng 24k loại 9999 tính bằng giá trị là 32.000.000 đồng mà ông C, bà T nhờ chuộc ruộng nhưng tại phiên tòa hôm nay chị đồng ý chia đôi số tiền này cho chị và anh H; chỉ yêu cầu ông C, bà T trả

cho chị 16.000.000 đồng, phần 16.000.000 đồng còn lại anh Hiệp không yêu cầu chị đồng ý.

** Bị đơn anh Thái Thoại H trình bày:*

Về yêu cầu ly hôn của chị B, anh đồng ý vì sống chung không hợp tính;

Về con chung: Anh chị có 01 người con chung tên Thái Thoại N. Khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng vì lý do: Chị B đi dạy toàn thời gian, để con cho ông H chăm sóc, nhà ông H thì nhiều ao không an toàn cho con anh; gia đình chị B luôn có hành vi ngăn cản việc anh đến thăm nom, chăm sóc con chung; cháu N bị bệnh gia đình bên nhà chị B không quan tâm, anh phải trực tiếp đến dẫn về đưa đi bệnh viện điều trị, chị B sức khỏe kém thường xuyên bị co giật và ngất, chị B thừa nhận anh chăm sóc con đảm bảo mọi mặt; anh có công việc chăn nuôi bò, dê tại nhà ổn định, nhà anh ngay sát trường học nên anh có điều kiện trực tiếp chăm sóc con chung tốt hơn;

Về tài sản chung: Có:

+ 07 con bò: Ông H, chị B quản lý 03 con gồm 02 con bò mẹ và 01 con bò con, anh quản lý 04 con gồm 02 con bò mẹ và 02 con bò con;

+ 01 cái ti vi hiệu Sony 40 in. Anh quản lý.

Anh thống nhất giá và thống nhất việc tiếp tục sở hữu 04 con bò, 01 tivi và giao lại giá trị chênh lệch cho chị B với số tiền là 25.000.000 đồng; chị B được sở hữu 03 con bò mà ông H và chị B quản lý;

+ Tại đơn khởi kiện anh H yêu cầu ông H trả cho vợ chồng anh số tiền 32.813.237 đồng và tại phiên tòa hôm nay anh chỉ yêu cầu ông H trả cho anh số tiền 16.406.618 đồng, phần còn lại của chị B tự chị quyết định. Đây là tiền vợ chồng anh trả nợ dùm ông H và chia đôi. Ông H và chị B cho rằng hàng tháng ông H gửi tiền để chị B trả ngân hàng nhưng không chứng minh được và qua thực tế thì các biên lai thu tiền đều do anh, chị B trả.

+ Đối với số tiền 32.000.000 đồng mà vợ chồng anh lấy ruộng lại từ việc cha mẹ anh thế chấp cho ông O. Anh yêu cầu chia đôi, ông T và bà C có nghĩa vụ trả cho chị B 16.000.000 đồng và phần của anh H thì anh không yêu cầu trả.

Về nợ chung: Thống nhất chia đôi nợ Ngân hàng chính sách. Nợ ngân hàng Sacombank, ngân hàng không yêu cầu nên không ý kiến.

** Anh Thái Thoại H là đại diện ủy quyền của ông Thái Thoại C và bà Lê Thị T trình bày:*

Năm 2014, vợ chồng anh có xin cha mẹ chuộc lại phần đất ruộng của cha mẹ đã cầm cố của ông O để chăn nuôi, trồng cỏ. Vợ chồng anh H trả cho ông O số tiền là 32.000.000 đồng. Nay trước yêu cầu khởi kiện của chị B thì đồng ý trả cho chị B số tiền 16.000.000 đồng, phần của anh H không yêu cầu trả để tự thỏa thuận.

** Đại diện Ngân hàng chính sách trình bày:*

Theo hợp đồng vay vốn số 7071503212 thì ngày 16 tháng 3 năm 2016 anh H, chị B vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường với số tiền 12.000.000 đồng; lãi suất trong hạn là 0.75%/tháng; quá hạn là 0.975%/ tháng; thời hạn vay là 60 tháng. Trả còn nợ gốc là 10.700.000 đồng;

Vay chương trình giải quyết việc làm là 15.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 0.55%/ tháng; lãi suất quá hạn là 0.715%/ tháng, thời hạn vay là 36 tháng. Hiện còn nợ gốc là 10.000.000 đồng.

Nay anh H, chị B ly hôn nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu cả hai cùng có nghĩa vụ trả cụ thể:

Gốc: 20.700.000 đồng;

Lãi tạm tính đến ngày 07 tháng 3 năm 2018 là 124.504 đồng.

Và lãi phát sinh theo hợp đồng tính từ ngày 08 tháng 3 năm 2018 đến khi thi hành xong.

** Ông Huỳnh Văn H là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Trước đây, ông có tặng cho anh H, chị B 02 con bò mẹ và giờ đã sinh ra 05 con bò con. Tổng cộng là 07 con. Khi vợ chồng anh H phát sinh mâu thuẫn thì anh H trả lại ông 02 con bò mẹ và 01 con bò con, hiện nay ông đang quản lý. Chị B và anh H thống nhất việc chia tài sản nên ông không ý kiến gì.

Về số tiền nợ Ngân hàng Sacombank: Do công việc làm ăn nên ông có nhờ anh H, chị B đứng ra vay dùm ông số tiền 72.000.000 đồng và hàng tháng ông gửi tiền cho chị B trả nợ ngân hàng và đến nay trả được 32.813.237 đồng. Nay trước yêu cầu khởi kiện của anh H, ông không đồng ý.

** Chị Thái Thị Thúy L và bà Trần Thị Đ là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:* Cả hai không khởi kiện yêu cầu anh H, chị B trả nợ và xin vắng.

** Ngân hàng Sacombank là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:* Chị B đã cam kết với Ngân hàng sẽ thanh toán vốn, lãi đúng hạn theo Hợp đồng tín dụng số LD1602100439 ký ngày 21 tháng 01 năm 2016 nên Ngân hàng không tham gia vụ án.

** Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 44/2018/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang:*

- Căn cứ các Điều 26, 28, 35, 39, 92, 147, 217, 218, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 55, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

- Căn cứ các điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 17 tháng 8 năm 2016 và Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Ngọc B và anh Thái Thoại H cùng thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Thái Thoại N, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2014 cho anh Thái Thoại H trực tiếp nuôi.

Chị Huỳnh Thị Ngọc B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Trong trường hợp cần thiết, anh Thái Thoại H và chị Huỳnh Thị Ngọc B có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung:

- Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Ngọc B yêu cầu ông Thái Thoại C và bà Lê Thị T cùng có nghĩa vụ trả cho chị Huỳnh Thị Ngọc B số tiền 16.000.000 đồng (*Mười sáu triệu đồng*) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của anh Thái Thoại H yêu cầu ông Huỳnh Văn H có nghĩa vụ trả cho chị Huỳnh Thị Ngọc B và anh Thái Thoại H số tiền 16.406.618 đồng (*Mười sáu triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn sáu trăm mười tám đồng*) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Chị Huỳnh Thị Ngọc B được sở hữu:

+ 03 (Ba) con bò gồm 01 (Một) con bò mẹ và 02 (Hai) con bò con (*Hiện chị đang quản lý*);

+ Anh Thái Thoại H có nghĩa vụ hoàn trả giá trị chênh lệch cho chị Huỳnh Thị Ngọc B số tiền 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

+ Buộc ông Thái Thoại C và bà Lê Thị T cùng có nghĩa vụ trả cho chị Huỳnh Thị Ngọc B số tiền 16.000.000 đồng (*Mười sáu triệu đồng*) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Huỳnh Thị Ngọc B có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, hàng tháng anh Thái Thoại H, ông Thái Thoại C và bà Lê Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Anh Thái Thoại H được sở hữu:

+ 04 (Bốn) con bò gồm 02 (Hai) con bò mẹ và 02 (Hai) con bò con;

+ 01 (Một) cái tivi hiệu Sony 40 in;

Hiện anh Thái Thoại H đang quản lý.

Bò và tivi các bên đã giao nhận xong.

+ Buộc ông Huỳnh Văn H có nghĩa vụ trả cho anh Thái Thoại H số tiền 16.406.618 đồng (Mười sáu triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn sáu trăm mười tám đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Thái Thoại H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, hàng tháng ông Huỳnh Văn H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về nợ chung: Buộc anh Thái Thoại H và chị Huỳnh Thị Ngọc B cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền vốn gốc: 20.700.000 đồng (Hai mươi triệu bảy trăm nghìn đồng); lãi tính đến ngày 07 tháng 3 năm 2018 là 124.504 đồng (Một trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm lẻ bốn đồng); lãi phát sinh tính từ ngày 08 tháng 3 năm 2018 theo Hợp đồng vay vốn số 7071503212 ngày 16 tháng 3 năm 2016 giữa Ngân hàng chính sách xã hội với anh Thái Thoại H, chị Huỳnh Thị Ngọc B cho đến khi thi hành án xong.

Thời hạn trả là ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 08 tháng 3 năm 2018, bị đơn là bà Huỳnh Thị Ngọc B có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, chỉ yêu Tòa cấp phúc thẩm cho chị được quyền nuôi con là cháu Thái Thoại N.

* Ngày 08 tháng 3 năm 2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Văn H có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, không đồng ý trả cho anh H số tiền 16.406.618 đồng.

Ý kiến của các đương sự tại phiên Tòa phúc thẩm:

- Chị Huỳnh Thị Ngọc B yêu cầu Tòa án cho chị được quyền trực tiếp nuôi con chung là cháu Thái Thoại N;

- Ông H yêu cầu Tòa xử cho ông không phải trả cho anh H số tiền 16.406.618 đồng.

- Anh H không đồng ý giao cháu N cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, không đồng ý kháng cáo của ông H, anh H yêu cầu ông H trả cho anh số tiền 16.406.618 đồng.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng chị B có công việc ổn định căn cứ bản lương do Trường học xác nhận thì thu nhập của chị B từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Ngoài ra, chị B còn cung cấp

được: Công văn của Hội phụ nữ xã L xác nhận chị B có nhân thân tốt, giấy khám sức khỏe của Sở y tế xác nhận chị B có sức khỏe bình thường. Hiện cháu N còn quá nhỏ chỉ hơn 3 tuổi nên chị B nuôi dưỡng tốt hơn. Phía anh H có điều kiện nuôi dưỡng không tốt, cháu N sống với cha mẹ anh H nhưng cha mẹ anh H già yếu sức khỏe kém, anh H làm ruộng, chăn nuôi, nên không thể đảm bảo nuôi dưỡng tốt, anh H cũng không có thu nhập ổn định. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị B, sửa án sơ thẩm, cho chị B được trực tiếp nuôi con.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng anh H cư trú tại xã L, Hội liên hiệp phụ nữ xã L không phải là chính quyền địa phương của anh H nhưng lại có xác nhận về nhân thân của anh H và cho rằng anh H không đủ điều kiện nuôi con là không khách quan. Chị B cho rằng chị có đủ điều kiện nuôi con tốt nhưng chị B phải đi dạy nên không đảm bảo thời gian chăm con, sức khỏe của chị B cũng không đảm vì bị hạ Canxi tuy có cung cấp được giấy khám sức khỏe nhưng đây chỉ là giấy khám sức khỏe thông thường không được xét nghiệm chuyên môn về vấn đề co giật của chị B. Trong thời gian ly thân chị B đem con về nhà nuôi thì cháu bị bệnh suy dinh dưỡng, đồng thời gia đình chị B có hành vi ngăn cản không cho cháu gặp cha khi H đến thăm nom. Phía anh H tuy không có việc làm ổn định như chị B nhưng anh là người chí thú làm ăn, có thu nhập tốt được địa phương nơi anh H cư trú xác nhận, trường học gần nhà đảm bảo điều kiện học tập cho cháu, thời gian cháu N về sống với anh H thì sức khỏe tốt tăng cân, kết quả học tập tốt. Đề nghị Hội đồng xét xử cho anh H được tiếp tục nuôi con. Về kháng cáo của ông H, ông H nhờ anh H và chị B vay tiền dùm, anh H và chị B trả nợ thay cho ông H, ông H cho rằng đã đưa tiền cho chị B nhưng không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị B và ông H.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đối với kháng cáo của ông H, án sơ thẩm xác định số tiền 32.813.237 đồng là tài sản chung của vợ chồng H và chị B, buộc ông H trả cho anh H số tiền 16.406.618 đồng là có căn cứ, ông H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H. Đối với kháng cáo xin được quyền nuôi con của chị B, chị B không cung cấp được các chứng cứ mới chứng minh chị có điều kiện nuôi con tốt hơn phía anh H nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị B, sửa một phần án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nêu trên. Xét thấy, sự vắng mặt các đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Sau khi án sơ thẩm xử, chị B kháng cáo xin được quyền trực tiếp nuôi con chung là cháu Thái Thoại N, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2014. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, cả anh H và chị B đều cung cấp cho Tòa án những chứng cứ mới để chứng minh điều kiện được quyền nuôi con. Cụ thể Phía chị B cung cấp: giấy xác nhận tình trạng sức khỏe, Tờ trình của Hội liên hiệp phụ nữ xã L, xác nhận của hiệu trưởng Trường trung học phổ thông G với nội dung cho rằng chị B có sức khỏe tốt, là giáo viên có thu nhập ổn định, chị B có nhân thân tốt, bản thân có đạo đức và chuyên môn nghề nghiệp, cháu N hiện đang ở với anh H là do đầu tháng 01/2018 anh H đến bắt cháu N về nhà nuôi và không cho chị B đem con về. Phía anh H cung cấp các chứng cứ: Sổ bé khỏe bé ngoan, giấy khen của cháu N để chứng minh rằng thời gian cháu N ở với anh cháu vẫn học tập và phát triển tốt.

Xét điều kiện nuôi con của anh H và chị B cho thấy, cả anh H và chị B đều có điều kiện tốt để nuôi con. Tuy nhiên, hiện nay cháu N đang được anh H nuôi dưỡng, theo chứng cứ mà anh H cung cấp cho thấy cháu đang phát triển bình thường cũng như học tập tốt, để ổn định về mặt tinh thần cho cháu án sơ thẩm giao cháu N cho anh H được quyền nuôi dưỡng là có cơ sở.

[2] Đối với kháng cáo của ông H về việc ông không đồng ý trả cho anh H số tiền 16.406.618 đồng. Xét thấy, anh H yêu cầu ông H trả cho vợ chồng anh số tiền mà chị B đã trả Ngân hàng thay cho ông H là 32.813.237 đồng và chia đôi. Phía anh H, chị B, ông H đều thừa nhận vợ chồng anh H sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh chị để vay tiền cho ông H mượn là 72.000.000 đồng. Ông H và chị B cho rằng hàng tháng ông H có giao tiền cho chị B để chị trả cho Ngân hàng tổng cộng được số tiền 32.813.237 đồng nhưng anh H không thừa nhận, ông H không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông trả cho anh H số tiền 16.406.618 là có căn cứ. Ông H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên không có căn cứ cho Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo.

[3] Những phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị B, ông H, giữ nguyên án sơ thẩm.

[5] Ý kiến của Luật sư bảo vệ cho chị B chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[6] Ý kiến của Luật sư bảo vệ cho anh H phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn H và chị Huỳnh Thị Ngọc B không được chấp nhận nên ông H và chị B mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, căn cứ theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các điều 55, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

- Căn cứ các điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 17 tháng 8 năm 2016 và Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn H.

Giữ y bản án sơ thẩm số: 44/2018/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã G.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Ngọc B và anh Thái Thoại H cùng thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Thái Thoại N, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2014 cho anh Thái Thoại H trực tiếp nuôi.

Chị Huỳnh Thị Ngọc B không phải cấp dưỡng nuôi con.s

Người không trực tiếp nuôi con có quyền chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Trong trường hợp cần thiết, anh Thái Thoại H và chị Huỳnh Thị Ngọc B có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung:

- Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Ngọc B yêu cầu ông Thái Thoại C và bà Lê Thị T cùng có nghĩa vụ trả cho chị Huỳnh Thị Ngọc B số tiền 16.000.000 đồng (*Mười sáu triệu đồng*) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của anh Thái Thoại H yêu cầu ông Huỳnh Văn H có nghĩa vụ trả cho chị Huỳnh Thị Ngọc B và anh Thái Thoại H số tiền 16.406.618 đồng (*Mười sáu triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn sáu trăm mười tám đồng*) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Chị Huỳnh Thị Ngọc B được sở hữu:

+ 03 (*Ba*) con bò gồm 01 (*Một*) con bò mẹ và 02(*Hai*) con bò con (*Hiện chị đang quản lý*);

+ Anh Thái Thoại H có nghĩa vụ hoàn trả giá trị chênh lệch cho chị Huỳnh Thị Ngọc B số tiền 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

+ Buộc ông Thái Thoại C và bà Lê Thị T cùng có nghĩa vụ trả cho chị Huỳnh Thị Ngọc B số tiền 16.000.000 đồng (*Mười sáu triệu đồng*) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Huỳnh Thị Ngọc B có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, hàng tháng anh Thái Thoại H, ông Thái Thoại C và bà Lê Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Anh Thái Thoại H được sở hữu:

+ 04 (*Bốn*) con bò gồm 02 (*Hai*) con bò mẹ và 02 (*Hai*) con bò con;

+ 01 (*Một*) cái tivi hiệu Sony 40 in;

Hiện anh Thái Thoại H đang quản lý.

Bò và tivi các bên đã giao nhận xong.

+ Buộc ông Huỳnh Văn H có nghĩa vụ trả cho anh Thái Thoại H số tiền 16.406.618 đồng (*Mười sáu triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn sáu trăm mười tám đồng*) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Thái Thoại H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, hàng tháng ông Huỳnh Văn H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về nợ chung: Buộc anh Thái Thoại H và chị Huỳnh Thị Ngọc B cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền vốn gốc: 20.700.000 đồng (*Hai mươi triệu bảy trăm nghìn đồng*); lãi tính đến ngày 07 tháng 3 năm 2018 là 124.504 đồng (*Một trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm lẻ*

bốn đồng); lãi phát sinh tính từ ngày 08 tháng 3 năm 2018 theo Hợp đồng vay vốn số 7071503212 ngày 16 tháng 3 năm 2016 giữa Ngân hàng chính sách xã hội với anh Thái Thoại H, chị Huỳnh Thị Ngọc B cho đến khi thi hành án xong.

Thời hạn trả là ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

5. Về án phí:

5.1 Án phí sơ thẩm:

Chị Huỳnh Thị Ngọc B chịu 3.470.612 đồng (*Ba triệu bốn trăm bảy mươi nghìn sáu trăm mười hai đồng*) và được trừ vào số tiền 3.150.000 đồng (*Ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*) mà chị Huỳnh Thị Ngọc B đã tạm ứng án phí tại biên lai số 41901 ngày 26 tháng 6 năm 2017, số 42172 ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị Huỳnh Thị Ngọc B còn phải nộp tiếp số tiền 320.612 đồng (*Ba trăm hai mươi nghìn sáu trăm mười hai đồng*).

Anh Thái Thoại H chịu 1.620.612 đồng (*Một triệu sáu trăm hai mươi nghìn sáu trăm mười hai đồng*) và được trừ vào số tiền 2.480.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng*) đã tạm ứng án phí tại biên lai số 42021 ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, anh Thái Thoại H được hoàn lại số tiền 859.388 đồng (*Tám trăm năm mươi chín nghìn ba trăm tám mươi tám đồng*).

Ông Thái Thoại C và bà Lê Thị T chịu 800.000 đồng (*Tám trăm nghìn đồng*).

Ông Huỳnh Văn H chịu 820.330 đồng (*Tám trăm hai mươi nghìn ba trăm ba mươi đồng*).

5.2 Án phí phúc thẩm:

- Chị Huỳnh Thị Ngọc B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân phúc thẩm, được trừ 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng số 42364 ngày 08/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Tiền Giang, xem như đã thi hành xong án phí hôn nhân phúc thẩm.

- Ông Huỳnh Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm được trừ 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng số 42365 ngày 08/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, xem như đã thi hành xong án phí hôn nhân phúc thẩm.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 50 phút ngày 14 tháng 6 năm 2018 có mặt ông H, chị B, anh H, Luật sư C, Luật sư T./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã G;
- Chi cục THADS thị xã G;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
- HNPT-2018-L.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Toàn